

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Năm 2007)

Tên công ty: Công ty cổ phần Bibica

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	156.275.112.530	179.079.163.900
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.569.254.239	44.423.027.953
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	35.000.000.000	14.055.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	32.340.619.742	30.318.114.546
4	Hàng tồn kho	63.822.664.865	86.850.781.794
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.542.573.684	3.432.239.607
II	Tài sản dài hạn	86.670.014.998	200.093.292.261
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	64.626.860.632	149.434.543.395
	- Tài sản cố định hữu hình	58.548.317.000	81.826.656.838
	- Tài sản cố định vô hình	1.098.989.728	921.324.760
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.979.553.904	66.686.561.797
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.753.219.388	38.499.423.011
5	Tài sản dài hạn khác	12.289.934.978	12.159.325.855
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	242.945.127.528	379.172.456.161
IV	Nợ phải trả	59.586.278.134	172.176.511.837
1	Nợ ngắn hạn	56.407.403.603	141.006.182.097
2	Nợ dài hạn	3.178.874.531	31.170.329.740
V	Vốn chủ sở hữu	183.358.849.394	206.995.944.324
1	Vốn chủ sở hữu	182.493.104.011	205.372.248.941
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	89.900.000.000	107.707.820.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	70.258.833.351	70.226.583.351
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	6.650.040.658	9.527.554.230
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.684.230.002	17.910.291.360
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	865.745.383	1.623.695.383
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	865.745.383	1.623.695.383
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	242.945.127.528	379.172.456.161

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2006
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	456,850,115,543	343,061,150,267
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,874,617,047	1,730,500,189
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	453,975,498,496	341,330,650,078
4	Giá vốn hàng bán	335,662,124,255	254,908,885,176
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118,313,374,241	86,421,764,902
6	Doanh thu hoạt động tài chính	14,189,899,449	9,011,374,278
7	Chi phí tài chính	4,426,820,713	3,323,504,266
8	Chi phí bán hàng	74,254,015,306	51,307,969,400
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,060,872,607	16,092,048,926
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32,761,565,064	24,709,616,588
11	Thu nhập khác	1,222,964,533	1,160,267,499
12	Chi phí khác	659,430,628	538,102,347
13	Lợi nhuận khác	563,533,905	622,165,152
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33,325,098,969	25,331,781,740
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,881,794,431	6,149,268,168
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24,443,304,538	19,182,513,572
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,512	2,955
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1,400	1,700

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
a	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	47.23	64.33
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	52.77	35.67
b	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45.41	24.54
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54.59	75.46
2	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.20	4.08
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.27	2.77
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.32	0.40
3	Tỷ suất sinh lời			
a	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7.34	7.42
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5.38	5.62
b	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8.79	10.43
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.45	7.89
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	11.81	10.46

Ngày 01 tháng 03 năm 2008
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Công ty Cổ phần BIBICA

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày
31/12/2007 đã được kiểm toán**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần BIBICA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần BIBICA được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059167 ngày 16 tháng 01 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường - bánh - kẹo - nha - rượu (nước uống có cồn).

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam. Công ty có các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh sau:

Tên**Địa chỉ**Đơn vị thành viên

Chi nhánh Công ty Bibica tại TP Hồ Chí Minh	88D, Trần Huy Liệu, Q Phú Nhuận, TP HCM
Chi nhánh Công ty Bibica tại Đà Nẵng	267B, Đống Đa, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Bibica tại Cần Thơ	5A1 Đường 30/4, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Nhà máy Bibica Hà Nội	KCN Sài Đồng B, Q Long Biên, Hà Nội
Công ty Bibica Miền Đông	KCN Mỹ Phước 1, Tỉnh Bình Dương

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thực phẩm Huế	118B, Lý Thái Tổ, TP Huế, Thừa Thiên Huế.
---	---

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 24.443.304.538 VND (Năm 2006 lợi nhuận sau thuế là 19.182.513.572 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 là 33.325.098.969 VND (Năm 2006 lợi nhuận chưa phân phối là 25.331.781.740 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoại trừ sự kiện như đã công bố tại Ghi chú số 4.20, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30/03/2005)
Ông Hoàng Thọ Vĩnh	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30/03/2005)
Ông Nguyễn Băng Tâm	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 30/03/2005)
Ông Phan Văn Thiện	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/03/2005)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/03/2007)
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/03/2006)
Ông Châu Vinh Quang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/03/2006)

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Hoàng Thọ Vĩnh	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/04/2005)
Ông Nguyễn Quang Hiến	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2006)

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Lê Hoài Nam	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Lê Việt Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (Công ty Kiểm toán AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kiểm toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần BIBICA

KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại
ngày 31/12/2007

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/06/2006 và Thông tư số 38/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/04/2007.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần BIBICA
phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại
ngày 31/12/2007 của Công ty.

TP Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Thay mặt Hội đồng quản trị

Trương Phú Chiến

TP Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Hoàng Thọ Vĩnh

Số:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007
của Công ty Cổ phần BIBICA**

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần BIBICA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần BIBICA được lập ngày 28 tháng 02 năm 2008 gồm: Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của ban lãnh đạo Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần BIBICA tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 05 tháng 03 năm 2008

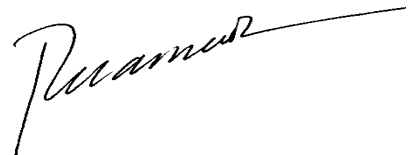
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV



Phạm Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Ghi chú	31/12/2007	01/01/2007
100 A – TÀI SẢN NGẮN HẠN		179.079.163.900	156.275.112.530
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.1	44.423.027.953	22.569.254.239
111 1. Tiền		44.423.027.953	10.569.254.239
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	12.000.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		14.055.000.000	35.000.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		14.055.000.000	35.000.000.000
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130 III. Phải thu ngắn hạn	4.2	30.318.114.546	32.340.619.742
131 1. Phải thu khách hàng		25.247.579.643	24.532.758.815
132 2. Trả trước cho người bán		2.156.434.377	4.203.096.839
135 3. Các khoản phải thu khác		3.552.917.725	3.604.764.088
139 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(638.817.199)	-
140 IV. Hàng tồn kho	4.3	86.850.781.794	63.822.664.865
141 1. Hàng tồn kho		86.850.781.794	64.157.808.518
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(335.143.653)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		3.432.239.607	2.542.573.684
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.751.498.428	1.521.837.886
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		493.589.896	194.701.240
158 3. Tài sản ngắn hạn khác		1.187.151.283	826.034.558

Công ty Cổ phần BIBICA

KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày

31/12/2007

		Đơn vị tính: VND	
Mã số	TÀI SẢN	Ghi chú	
		31/12/2007	01/01/2007
200	B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200.093.292.261	86.670.014.998
220	I. Tài sản cố định	149.434.543.395	64.626.860.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4.4 81.826.656.838	58.548.317.000
222	- Nguyên giá	194.908.319.911	161.615.117.293
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(113.081.663.073)	(103.066.800.293)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.5 921.324.760	1.098.989.728
228	- Nguyên giá	1.242.220.543	1.219.405.403
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(320.895.783)	(120.415.675)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.6 66.686.561.797	4.979.553.904
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	38.499.423.011	9.753.219.388
251	1. Đầu tư vào công ty con	-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.7 2.774.805.000	-
258	3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	4.8 36.433.484.669	10.319.224.388
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(708.866.658)	(566.005.000)
260	III. Đầu tư dài hạn khác	12.159.325.855	12.289.934.978
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12.159.325.855	12.289.934.978
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	379.172.456.161	242.945.127.528

Công ty Cổ phần BIBICA

KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày

31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Ghi chú	31/12/2007	01/01/2007
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		172.176.511.837	59.586.278.134
310	I. Nợ ngắn hạn		141.006.182.097	56.407.403.603
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	4.9	55.897.610.444	5.431.040.000
312	2. Phải trả người bán		72.214.053.957	41.244.196.063
313	3. Người mua trả tiền trước		1.785.971.889	1.322.325.530
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.10	4.097.933.845	2.669.119.905
315	5. Phải trả người lao động		-	1.967.008.507
316	6. Chi phí phải trả	4.11	4.809.360.100	1.813.993.571
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.201.251.862	1.959.720.027
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		31.170.329.740	3.178.874.531
333	1. Phải trả dài hạn khác	4.12	29.512.536.000	1.208.474.531
334	2. Vay và nợ dài hạn	4.13	800.000.000	1.600.000.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		857.793.740	370.400.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.14	206.995.944.324	183.358.849.394
410	I. Vốn chủ sở hữu		205.372.248.941	182.493.104.011
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		107.707.820.000	89.900.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.226.583.351	70.258.833.351
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.458.322.848	5.539.809.276
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.069.231.382	1.110.231.382
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.910.291.360	15.684.230.002
421	7. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.623.695.383	865.745.383
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.623.695.383	865.745.383
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		379.172.456.161	242.945.127.528

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Ghi chú	31/12/2007	01/01/2007
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	142.213.914
5. Ngoại tệ các loại (USD)		63.652	22.822
6. Dự toán chi hoạt động		-	-

Thành phố Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Quang Hiến****Hoàng Thọ Vĩnh**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ghi chú	Năm 2007		Năm 2006	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.15	456.850.115.543		343.061.150.267	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		2.874.617.047		1.730.500.189	
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		453.975.498.496		341.330.650.078	
11	4. Giá vốn hàng bán	4.16	335.662.124.255		254.908.885.176	
20			118.313.374.241		86.421.764.902	
	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ					
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.17	14.189.899.449		9.011.374.278	
22	7. Chi phí tài chính	4.18	4.426.820.713		3.323.504.266	
23	- Trong đó : Chi phí lãi vay		3.297.174.121		2.478.137.604	
24	8. Chi phí bán hàng		74.254.015.306		51.307.969.400	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		21.060.872.607		16.092.048.926	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.761.565.064		24.709.616.588	
31	11. Thu nhập khác		1.222.964.533		1.160.267.499	
32	12. Chi phí khác		659.430.628		538.102.347	
40	13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác		563.533.905		622.165.152	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.325.098.969		25.331.781.740	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.19	8.881.794.431		6.149.268.168	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-	
60	16. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần sau thuế TNDN		24.443.304.538		19.182.513.572	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.512		2.955	

Thành phố Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Quang Hiến

Hoàng Thọ Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Ghi chú	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2007	Năm 2006
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		33.325.098.969	25.331.781.740
	2. Điều chỉnh cho các khoản :		-	-
02	- Khấu hao TSCĐ		10.215.342.888	11.517.241.327
03	- Các khoản dự phòng		1.347.683.857	566.005.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	(8.775.433.179)
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		-	126.069.180
06	- Chi phí lãi vay		3.297.174.121	2.478.137.604
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.185.299.835	31.243.801.672
09	- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu		1.383.687.997	(5.435.363.266)
10	- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(23.028.116.929)	(2.408.255.455)
11	- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)		29.101.168.050	(10.587.862.321)
12	- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước		130.609.123	(5.242.798.783)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(3.297.174.121)	(2.478.137.604)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.903.270.851)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.527.086.292
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		408.037.713	(704.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.883.511.668	1.010.699.684
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(95.028.435.175)	(9.636.700.782)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.409.524	169.268.319
23	3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(24.000.000.000)	(35.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		53.588.114.633	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(49.772.939.062)	(6.599.419.388)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.992.089.800	8.334.184.697
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.319.451.882	1.402.456.689
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(82.896.308.398)	(41.330.210.465)

Công ty Cổ phần BIBICA

KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày

31/12/2007

Mã số	CHỈ TIÊU	Ghi chú	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2007	Năm 2006
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Biến động nguồn vốn chủ sở hữu và quỹ		17.807.820.000	76.776.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		130.370.772.676	56.837.741.359
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(79.504.202.232)	(78.233.948.818)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.807.820.000)	(3.650.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		51.866.570.444	51.729.792.541
50	Tăng/giảm lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.853.773.714	11.410.281.760
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm		22.569.254.239	11.158.972.479
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm		44.423.027.953	22.569.254.239

Thành phố Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Quang Hiến

Hoàng Thọ Vĩnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BIBICA là công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059167 ngày 16 tháng 01 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Trụ sở chính của Công ty được đặt tại KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam. Công ty có các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh sau:

Tên	Địa chỉ
<u>Đơn vị thành viên</u>	
Chi nhánh Công ty Bibica tại TP Hồ Chí Minh	88D, Trần Huy Liệu, Q Phú Nhuận, TP HCM
Chi nhánh Công ty Bibica tại Đà Nẵng	267B, Đống Đa, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Bibica tại Cần Thơ	5A1 Đường 30/4, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Nhà máy Bibica Hà Nội	KCN Sài Đồng B, Q Long Biên, Hà Nội
Công ty Bibica Miền Đông	KCN Mỹ Phước 1, Tỉnh Bình Dương

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thực phẩm Huế 118B, Lý Thái Tổ, TP Huế, Thừa Thiên Huế.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh các mặt hàng thực phẩm.

Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trên ngành nghề sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường - bánh - kẹo - nha - rượu (nước uống có cồn) và các sản phẩm dinh dưỡng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	15 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư chứng khoán của công ty vào các doanh nghiệp không niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán chính thức không trích lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

4.1 TIỀN

	31/12/2007 <u>VND</u>	01/01/2007 <u>VND</u>
Tiền mặt	235.422.874	872.799.331
Tiền gửi ngân hàng	44.187.605.079	9.696.454.908
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	12.000.000.000
Tổng	<u>44.423.027.953</u>	<u>22.569.254.239</u>

4.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007 <u>VND</u>	01/01/2007 <u>VND</u>
Phải thu khách hàng	25.247.579.643	24.532.758.815
Trả trước cho người bán	2.156.434.377	4.203.096.839
Các khoản phải thu khác	3.552.917.725	3.604.764.088
Dự phòng phải thu khó đòi	(638.817.199)	-
Giá trị thuần của phải thu ngắn hạn	<u>30.318.114.546</u>	<u>32.340.619.742</u>

4.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007 <u>VND</u>	01/01/2007 <u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.620.388.016	2.128.731.129
Nguyên liệu, vật liệu	58.134.532.286	42.019.372.669
Công cụ, dụng cụ	1.277.547.237	1.010.066.654
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.858.558.821	1.988.811.195
Thành phẩm	17.764.370.511	16.911.542.860
Hàng hoá	22.523.814	47.164.553
Hàng gửi đi bán	172.861.109	52.119.458
Tổng	<u>86.850.781.794</u>	<u>64.157.808.518</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(335.143.653)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>86.850.781.794</u>	<u>63.822.664.865</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 44.705.160.374 VND.

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 335.143.653 VND

4.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2007	23.738.069.950	128.444.030.932	3.467.907.060	5.965.109.351	161.615.117.293
Tăng XDCB hoàn thành	30.832.727.273	997.498.145	139.959.280	1.335.684.190	33.305.868.888
Giảm do thanh lý	-	-	12.666.270	-	12.666.270
Tại ngày 31/12/2007	<u>54.570.797.223</u>	<u>129.441.529.077</u>	<u>3.595.200.070</u>	<u>7.300.793.541</u>	<u>194.908.319.911</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2007	12.445.391.554	85.362.447.196	2.444.712.985	2.814.248.558	103.066.800.293
Tăng khấu hao trong kỳ	721.331.991	8.235.553.684	347.030.901	715.764.386	10.019.680.962
Khấu hao giảm trong kỳ	-	-	4.818.182	-	4.818.182
Tại ngày 31/12/2007	<u>13.166.723.545</u>	<u>93.598.000.880</u>	<u>2.786.925.704</u>	<u>3.530.012.944</u>	<u>113.081.663.073</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2007	<u>11.292.678.396</u>	<u>43.081.583.736</u>	<u>1.023.194.075</u>	<u>3.150.860.793</u>	<u>58.548.317.000</u>
Tại ngày 31/12/2007	<u>41.404.073.678</u>	<u>35.843.528.197</u>	<u>808.274.366</u>	<u>3.770.780.597</u>	<u>81.826.656.838</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 16.070.749.963 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.863.066.892 VND.

4.5 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2007	256.080.000	963.325.403	1.219.405.403
Tăng	-	22.815.140	22.815.140
Tại ngày 31/12/2007	<u>256.080.000</u>	<u>986.140.543</u>	<u>1.242.220.543</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2007	-	120.415.675	120.415.675
Trích khấu hao trong kỳ	-	200.480.108	200.480.108
Tại ngày 31/12/2007	-	<u>320.895.783</u>	<u>320.895.783</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2007	<u>256.080.000</u>	<u>842.909.728</u>	<u>1.098.989.728</u>
Tại ngày 31/12/2007	<u>256.080.000</u>	<u>665.244.760</u>	<u>921.324.760</u>

4.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
+ Phần mềm quản lý nhân sự	53.883.296	33.290.520
+ Dự án khu công nghiệp Mỹ Phước	49.725.336.058	988.007.409
+ Dây chuyền bánh mì tươi Hà Nội	871.902.880	
+ Dây chuyền bánh mì tươi Biên Hòa	5.392.261.319	
+ Xây dựng phân xưởng kẹo	6.329.476.312	3.951.417.373
+ Sửa chữa nhà xưởng bộ giải khát, bột ăn dặm	69.398.920	
+ Nâng cấp phần mềm QLDN (Cos)	10.000.000	
+ Dự án quy hoạch đường ống lò hơi	20.831.112	
+ Dự án bánh trung thu	31.279.570	
+ Dự án kẹo Deposit	22.024.117	
+ Dự án kẹo Chewy	3.350.011.916	
+ Dự án NM Bibica Bình Dương GD2	453.877.522	
+ Dự án NM Bibica Hưng Yên	228.002.766	
+ Những công trình khác	128.276.009	6.838.602
	<u>66.686.561.797</u>	<u>4.979.553.904</u>

4.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tại ngày 31/12/2007, khoản đầu tư thể hiện khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghiệp thực phẩm Huế (HUFUCO) với tổng số cổ phần là 276.100 cổ phần và giá gốc 2.774.805.000 đồng (chiếm 27% vốn điều lệ của HUFUCO).

4.8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư cổ phiếu	36.433.484.669	10.319.224.388
Tổng	<u>36.433.484.669</u>	<u>10.319.224.388</u>

Tại thời điểm 31/12/2007, danh mục cổ phiếu Công ty đầu tư bao gồm cổ phiếu của các công ty đang được niêm yết hoặc chưa niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam. Trong đó, giá gốc các cổ phiếu được niêm yết mà Công ty nắm giữ là 13.033.484.669 đồng, giá gốc các cổ phiếu chưa được niêm yết là 23.400.000.000 đồng. Công ty đã lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 708.866.658 đồng cho danh mục đầu tư liên quan đến cổ phiếu đang được niêm yết trên sàn dựa trên giá tham chiếu khớp lệnh tại ngày 31/12/2007.

4.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	55.497.610.444	5.431.040.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	400.000.000	-
Tổng	<u>55.897.610.444</u>	<u>5.431.040.000</u>

Bao gồm trong số dư khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2007 có 40.000.000.000 VND vay của Công ty Xuất Nhập khẩu Bình Thạch với lãi suất 0,68%/ tháng trong thời hạn 03 tháng. Các khoản vay còn lại là vay của cán bộ công nhân viên trong công ty với lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường.

4.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.782.965.215	621.518.661
Thuế xuất nhập khẩu	302.922.627	200.259.908
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.945.116.288	1.810.356.588
Thuế Thu nhập cá nhân	13.921.860	13.131.956
Các loại thuế khác	53.007.855	23.852.792
Tổng	<u>4.097.933.845</u>	<u>2.669.119.905</u>

4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí vận chuyển	732.259.247	-
Chi phí khấu hao tạm trích	1.387.344.465	-
Chi phí hoa hồng, tiêu thụ	1.361.097.456	-
Chi phí hoạt động khác	1.328.658.932	1.813.993.571
Tổng	<u>4.809.360.100</u>	<u>1.813.993.571</u>

4.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận góp vốn đầu tư từ Lotte	27.900.000.000	-
Các khoản ký quỹ khác	1.612.536.000	1.208.474.531
Tổng	<u>29.512.536.000</u>	<u>1.208.474.531</u>

4.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	800.000.000	1.600.000.000
Tổng	<u>800.000.000</u>	<u>1.600.000.000</u>

Công ty Cổ phần BIBICA

KCN Biên Hòa 1 - Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Báo cáo Tài chính

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007

4.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	56.000.000.000	27.382.833.351	5.539.809.276	1.110.231.382	151.716.430	90.184.590.439
Tăng vốn trong kỳ trước	33.900.000.000	42.876.000.000				76.776.000.000
Lãi trong kỳ trước					19.182.513.572	19.182.513.572
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ trước						-
Lỗ trong kỳ trước						-
Giảm khác					3.650.000.000	3.650.000.000
Số dư cuối kỳ trước	89.900.000.000	70.258.833.351	5.539.809.276	1.110.231.382	15.684.230.002	182.493.104.011
Tăng vốn trong kỳ này	17.807.820.000		1.918.513.572	959.000.000		20.685.333.572
Lãi trong kỳ này					24.443.304.538	24.443.304.538
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ này					22.217.243.180	22.217.243.180
Lỗ trong kỳ này						-
Giảm khác		32.250.000				32.250.000
Số dư cuối kỳ này	107.707.820.000	70.226.583.351	7.458.322.848	2.069.231.382	17.910.291.360	205.372.248.941

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2007	%	01/01/2007	%
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
Vốn đầu tư của Nhà Nước	-		-	-
Vốn góp của đối tượng khác	107.707.820.000	100	89.900.000.000	100
- Cổ đông là pháp nhân	32.006.850.000	30	30.520.860.000	34
- Cổ đông đặc biệt (TV HDQT, BGD, BKS)	12.941.870.000	12	10.724.780.000	12
- Cổ đông là thể nhân	62.759.100.000	58	48.654.360.000	54
Tổng	<u>107.707.820.000</u>		<u>89.900.000.000</u>	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2007	01/01/2007
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	89.900.000.000	56.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	17.807.820.000	33.900.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	107.707.820.000	89.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.807.820.000	3.650.000.000

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.770.782	8.990.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.770.782	8.990.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.770.782	8.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.770.782	8.990.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.770.782	8.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2007	Năm 2006
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.443.304.538	19.182.513.572
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho Cổ phiếu phổ thông	24.443.304.538	19.182.513.572
- Cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ	9.728.705	6.491.544
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.512	2.955

4.15 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2007 <u>VND</u>	Năm 2006 <u>VND</u>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	456.850.115.543	343.061.150.267
+ Doanh thu thành phẩm	456.850.115.543	343.061.150.267
- Các khoản giảm trừ	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	2.874.617.047	1.730.500.189
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	453.975.498.496	341.330.650.078
+ Doanh thu thuần thành phẩm	453.975.498.496	341.330.650.078

4.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2007 <u>VND</u>	Năm 2006 <u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	335.662.124.255	254.908.885.176
Tổng	<u>335.662.124.255</u>	<u>254.908.885.176</u>

4.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 <u>VND</u>	Năm 2006 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.566.871.526	1.354.456.689
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	10.842.165.708	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	44.649.801	48.000.000
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.207.414	182.652.364
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	566.005.000	7.426.265.225
Tổng	<u>14.189.899.449</u>	<u>9.011.374.278</u>

4.18 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 <u>VND</u>	Năm 2006 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	3.297.174.121	2.478.137.604
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	117.870.650	-
Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	241.779.912	226.072.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	708.866.658	566.005.000
Chi phí tài chính khác	61.129.372	53.288.735
Tổng	<u>4.426.820.713</u>	<u>3.323.504.266</u>

4.19 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2007 <u>VND</u>	Năm 2006 <u>VND</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.881.794.431	6.149.268.168
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
	<u>8.881.794.431</u>	<u>6.149.268.168</u>

4.20 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**Lỗ tiềm tàng từ đầu tư tài chính dài hạn**

Như đã công bố tại Ghi chú số 4.8, tại thời điểm 31/12/2007, danh mục cổ phiếu Công ty đầu tư bao gồm cổ phiếu của các công ty đang được niêm yết hoặc chưa niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán chính thức tại Việt Nam. Trong đó, giá gốc các cổ phiếu được niêm yết trên các sàn giao dịch chính thức mà Công ty nắm giữ là 13.033.484.669 đồng, giá gốc các cổ phiếu chưa được niêm yết là 23.400.000.000 VND. Công ty đã lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 708.866.658 VND cho danh mục đầu tư liên quan đến cổ phiếu đang được niêm yết trên sàn giao dịch chính thức dựa trên giá khớp lệnh tham chiếu tại ngày 31/12/2007. Tuy nhiên, đối với danh mục đầu tư cổ phiếu các công ty đã niêm yết mà Công ty đang nắm giữ, dựa trên giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản lỗ tiềm tàng mà khoản đầu tư này có thể mang lại là 5.373.734.258 VND.

4.21 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Thành phố Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Quang Hiến****Hoàng Thọ Vĩnh**